

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 298/2024/DS-ST

Ngày: 27/9/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Trang.

Các Hội thẩm Nhân dân: 1. Ông Phạm Cẩm

2. Ông Huỳnh Văn Bộ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo – C/v Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 419/2024/DSST ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 364/2024/QĐXX-DS ngày 06 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H – Sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị H là bà Vi Thị L, là đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền ngày 08 tháng 5 năm 2024) (có mặt)

Địa chỉ: 2 L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Bà Dương Thị Mỹ T – Sinh năm 1979.

Địa chỉ: D N, Tổ dân phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện hợp pháp của bà Dương Thị Mỹ T là ông Đào Văn Q, là đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền ngày 03 tháng 6 năm 2024) (có mặt)

Địa chỉ: H H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bà Vi Thị L trình bày:

Qua sự giới thiệu của bạn bè, bà Nguyễn Thị H quen biết bà Dương Thị Mỹ T. Hai bên cùng làm ăn thu mua nông sản. Bà T nhiều lần nhờ bà H mượn tiền giùm để trả tiền hàng, mỗi lần mượn tiền bà T đều viết giấy mượn tiền cho bà H cầm, đến hạn trả tiền bà T có trả tiền đầy đủ và lấy lại giấy mượn tiền.

Vào khoảng cuối năm 2019 thì bà H có mượn giùm cho bà T nhiều lần tổng số tiền là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng). Đến ngày 16/01/2020 bà T viết 02 giấy mượn tiền, một Giấy nhận tiền có nội dung xác nhận bà T có mượn của bà H số tiền 500.000.000 đồng và một Giấy nhận tiền có nội dung xác nhận bà T có mượn của bà H số tiền 200.000.000 đồng. Sau đó bà T đã trả cho bà H 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) nhiều lần bằng hình thức chuyển khoản và tiền mặt: cụ thể lần đưa tiền mặt ở quán cà phê đường T bà T đã lấy lại giấy mượn tiền 500.000.000 đồng và bà H có ghi nhận cho bà T là đã nhận đủ 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Đối với khoản vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) mà bà T và bà H viết giấy mượn tiền ngày 16/01/2020, hạn đến ngày 16/02/2020 sẽ thanh toán. Tuy nhiên bà H đã nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền cho bà H thì bà T hứa hẹn sẽ trả sau nhưng đến nay bà T vẫn chưa trả số tiền nợ cho bà H. Việc phía bị đơn cho rằng đã trả hết số tiền vay này, thể hiện qua các giao dịch chuyển khoản là không đúng. Những lần chuyển khoản này là bà T trả nợ đối với số tiền vay 500.000.000 đồng như đã trình bày ở trên (có lần trả tiền mặt, có lần trả tiền chuyển khoản).

Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bà Dương Thị Mỹ T thanh toán cho bà H số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Đào Văn Q trình bày trình bày:

Bà Dương Thị Mỹ T xác nhận vào ngày 16/01/2020, bà T có ghi giấy mượn tiền, xác nhận mượn của bà Nguyễn Thị H số tiền 200.000.000 đồng, trong thời gian từ ngày 16/01/2020 đến ngày 16/02/2020. Tuy nhiên số tiền vay này bà T đã thanh toán hết cho bà H, bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản số

63410000058665 mang tên Nguyễn Thị H mở tại Ngân hàng TMCP Đ, cụ thể: Ngày 11/02/2020 chuyển 110.000.000 đồng, nội dung “Trả tiền mượn”; ngày 19/02/2020 chuyển 93.000.000 đồng, nội dung “Dd”; ngày 04/3/2020 chuyển 70.000.000 đồng, nội dung “Trả tiền mượn”; ngày 28/8/2020 chuyển 50.000.000 đồng, nội dung “trả nợ chị hoa”. Như vậy bà T đã chuyển khoản cho bà H tổng số tiền là 320.000.000 đồng, trong đó 200.000.000 đồng là tiền nợ gốc và 120.000.000 đồng là tiền lãi suất.

Như vậy bà T đã thanh toán hết tiền vay cho bà H. Bà T không chấp nhận trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà H.

3. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Dương Thị Mỹ T có trách nhiệm trả số tiền 200.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện bị đơn là bà Dương Thị Mỹ T, cư trú tại địa chỉ: Số D N, Tổ dân phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Dương Thị Mỹ T thanh toán số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H cho bị đơn bà Dương Thị Mỹ T vay số tiền 200.000.000 đồng, thể hiện tại Giấy mượn tiền ngày 16/01/2020, thời hạn trả nợ là ngày 16/02/2020. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn thừa nhận chứng cứ do nguyên đơn xuất trình là đúng và cũng thừa nhận có vay

của nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng. Tuy nhiên bị đơn, xác định đã thanh toán khoản tiền vay này cho bà Nguyễn Thị H, thể hiện qua việc, từ ngày 11/02/2020 đến ngày 28/8/2020, bà T đã chuyển khoản vào tài khoản mang tên Nguyễn Thị H mở tại Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền là 320.000.000 đồng, trong đó 200.000.000 đồng là tiền nợ gốc và 120.000.000 đồng là tiền lãi suất, phía nguyên đơn cũng thừa nhận đã nhận số tiền 320.000.000 đồng của bị đơn bà T. Nguyên đơn bà H cho rằng số tiền 320.000.000 đồng mà bà T chuyển khoản cho bà H là để trả nợ cho khoản vay số tiền 500.000.000 đồng vay cùng ngày 16/01/2020. Tuy nhiên bà H không chứng minh được việc bà H có cho bà T vay số tiền 500.000.000 đồng, bị đơn bà T cũng không thừa nhận có vay của bà H số tiền 500.000.000 đồng nên ý kiến này của bà H là không có căn cứ. Xét thời điểm vay tiền và thời gian giao dịch chuyển khoản trả nợ của bị đơn cho nguyên đơn có cơ sở để cho rằng bị đơn bà Dương Thị Mỹ T đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Bị đơn bà Dương Thị Mỹ T không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét lại khoản lãi suất đã trả, yêu cầu này của bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn không được Toà án chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sơ thẩm theo qui định là phù hợp. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 162; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 372; Điều 373; Điều 463; Điều 466; Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bà Dương Thị Mỹ T thanh toán số tiền nợ 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- P. NVKT&THA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHA DS TP.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hoài Trang